**Họ và tên : LÊ THỊ HIỀN**

**LỚP : CQ55/15.1Lt1**

**STT:12**

**Câu 1:** đvt : trđ

1. **Hoàn thành số liệu**

* Tự cho số liệu

Giả sử Giá vốn hàng bán năm N-1 là 215.000

Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV năm N-1 =DTT –GVHB =244.800-215.000=29.800

Hàng tồn kho của năm N-2 là 88.000

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm N** | **Năm N-1** |
| Doanh thu thuần BH và CCDV | 255.700 | 244.800 |
| Giá vốn hàng bán | 225.350 | 215.000 |
| Lợi nhuận gộp bán hàng và CC DV | 30.350 | 29.800 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/N** | **31/12/N-1** | **31/12/N-2** |
| IV. Hàng tồn kho | 128.620 | 109.980 | 88.000 |

**bTốc độ tăng trưởng hàng tồn kho**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm N | Năm N-1 | So sánh | |
| Tuyệt đối | Chênh lệch |
| SVtk=GV/Stk ( vòng) | 1,8889 | 2,1719 | -0,283 | -13,03 |
| -Giá vốn hàng bán | 225.350 | 215.000 | 10350 | 4,81 |
| Stk=(HTKđk+HTKck)/2 | 119.300 | 98990 | 20310 | 20,51 |
| SVtk(Stk)=-  SVtk(GV)=- | -=-0,3697  -=0,0868 | | | |

Phân tích

Qua bảng phân tích trên ta thấy số vòng luân chuyên hàng tồn kho năm N là 1,8889 vòng , số vongf tồn kho năm N-1 là 2,1719 vòng, số vòng giảm 0,283 vòng với tỉ lệ giảm 13, 03%. Cho thấy nổ lực của dn trong quản trị hàng tồn kho nói riêng và quản trị vốn nói chung chưa tốt

Số vòng quay hàng tồn kho chịu ảnh hưởng của hai nhân tố giá vốn hàng bán và trị giá hàng tồn kho bình quân

Giá vốn hàng bán năm N là 225.350 trđ tăng 10350 trđ so với năm N -1với tỉ lệ 4, 81 % trị giá hàng tồn kho Bq năm N là 119.300 trđ tăng 20310 trđ với tỉ lệ tăng là 20,51%, qua đó ta thấy đc số vòng quay htk biến động theo chiều huowmgs k tốt, tốc độ luân chuyển htk chậm hơn

**C,phân tích khái quát kết quả kinh doanh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm N | Năm N-1 | So sánh | |
| Tuyệt đối | Tỉ lệ (%) |
| Doanh thu thuần về bh và CCDV | 255.700 | 244.800 | 10.900 | 4,45% |
| Giá vốn hàng bán | 225.350 | 215.000 | 10350 | 4,81% |
| Lợi nhuận gộp về BH và CCDV | 30.350 | 29.800 | 550 | 1,84% |
| Hệ số giá vốn hàng bán = GV/DTT | 0,8813 | 0,8782 | -0,0031 | 0,35% |

Chỉ tiêu Doanh thu thuần về BH&CCDV năm N là 255.700 triệu đồng tăng lên so với năm N-1 là 10.900 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 4,45%. Cho thấy nỗ lực của doanh nghiệp trong công tác tiêu thụ, thể hiện sự đánh giá tích cực của khách hàng với sản phẩm của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp tăng trưởng bền vững.

Chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm N là 225.350 triệu đồng tăng lên so với năm N-1 là 10350 triệu đồng với tỷ lệ tăng là 4,45% Chỉ tiêu Lợi nhuận gộp về BH&CCDV năm N là 30.350 triệu đồng so với năm N-1 đã tăng lên 550 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 1,84%

Chỉ tiêu hệ số giá vốn hàng bán năm N là 0,8813 giảm đi so với năm N-1là 0,0031 lần tương ứng với tỷ lệ giảm là 3,35 %

**Câu 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm N | Năm N-1 | So sánh | |
| Tuyệt đối | Tỉ lệ (%) |
| 1 LNST | 27308 | 22921,5 | 4386,5 | 19,14 |
| 2.Sc=( trd) | 341.350 | 305.602 | 35730 | 11,69 |
| 3Skd=(trd) | 656.900 | 622.410 | 34490 | 5,54 |
| 4.LCT=DTT+DTTC+TNK(trd) | 666.900 | 586.877 | 80.013 | 13,63 |
| 5.Tổng cp=LCT-LNST(trd) | 639.592 | 563.965,5 | 75626,5 | 13,41 |
| 6.ROE=LNST/Sc(lần) | 0,08 | 0,075 | 0,005 | 6,67 |
| 7.Ht=SC/Skd(lần) | 0,5196 | 0,4910 | 0,0286 | 5,82 |
| 8.Hd=slđ/skd(lần ) | 0,4512 | 0,449 | 0,0022 | 0,49 |
| 9.SVld=LCT/Skd(lần) | 2,25 | 2,1 | 0,15 | 7,14 |
| 1. HCp= tổng cp/LCT | 0,9591 | 0,961 | -0,0019 | -0,1977 |
| 10ảnh hưởng của các nhân tố  ROE(Ht) (x Hđx svldox ( 1-Hcpo)=-0,00413  (Hđ) (x ( HSkd1-Hskdo)x svldx(1-hcpo)=0,00035  ROE(Hcp) x Hskd1xsvld1x(hcp1-hcpo)=0,0037  ROE=(SVld) x hđ1x ( sVld1-SVLdo)x(1-Hcpo)=0,00509 | | | | |

Nhận xét:

Svld năm N là 2,25 lần so với năm N-1 đã tăng 7,14%, svld hoạt động cùng chiều với ROE, trong điều kiện các yếu tố khác không đôir thì khi SCLD tăng cũng làm cho ROE tăng lên 0,0051 lần, nguyên nhân chính làm cho SVLd tăng đó là ta thấy tốc độ tăng của LCT là 13,63%, nhanh hơn tốc độ tăng của tsnh bq là 6,06% , vc gia tăng của SCld cho thấy việc quản lí sử dụng vốn lưu động của công ty rất tốt , đạt được hiệu quả , trình đọ quản lí và sử dụng vốn của công ty ngày đc nâng cao , cần đc phát huy

HCP : Hcp năm N là 0,959 lần ,Giảm so với năm N-1laf 0,0019 lần ứng với tỉ lệ giảm là 0,1977%, hCp ngược chiều với ROE, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi thì khi hcp giảm đã làm tăng ROE lên 0,0037 lần . Hcp của hai năm đều nhỏ hơn 1cho thấy doanh nghiệp có lãi và công tác quản trị chi phí có hiệu quả.HCp giảm do tốc độ tăng trưởng của LCT nhỏ hơn tốc độ tăng của LNST, cho thấy tình hình quản trị chi phí của công ty đc cải thieenh, về khách quan do tác động của cungx cầu thị trg làm cho LCT giảm , Hcp giảm nhưng vẫn ở mức cao , do vậy công ty cần thắt chặt hơn nữa việc quản trị cp để giảm chi phí đến mức tối thiểu mà k ảnh hưởng đến chất lượng và kết quả hoạt động kinh doanh

=>>>>> công ty có chính sách huy động vốn , chính sách đầu tư ngắn hạ hợp lí và nâng cao trình độ quản trị vôn lưu động cũng như quản trị chi phí

Sử dụng VSCH của doanh nghiệp đang giảm đi

* Sự tăng lên của ROE là phụ thuộc vào các nhân tố sau:

+ Ht: Năm N là 0,5196 lần tăng so với năm N-1 là 0,0286 lần ứng với tỷ lệ tăng 5,82%. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi thì khi Ht tăng lên sẽ làm cho ROE giảm đi 0,0041 lần. Nguyên nhân làm cho Ht tăng lên là do cuối năm VCSH bình quân tăng 11,69% so với đầu năm trong khi đó TS bình quân chỉ tăng 5,59%. Có nghĩa là tốc dộ tăng TS đang chậm hơn tốc độ tăng của VSCH. Điều này cho thấy chính sách huy động vốn của công ty đó là tăng huy động VCSH, giảm huy động NPT làm tăng tính tự chủ của công ty. Tuy nhiên Ht của năm là N là 0.5196 trong khi đó năm N-1 là 0,491 cho thấy rằng độ tử chủ tài chính của công ty đang được nâng cao.

* Hđ : Năm N là. 0,4512 lần tăng so với N-1 là 0,0022 lần ứng với tỉ lệ tăng là 0,49%. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi thì Hđ tăng lên cũng làm cho ROE tăng lên 0,00035 lần. Nguyên nhân làm cho Hđ tăng có thể là do chính sách đầu tư của doanh nghiệp tại từng thời kỳ, doanh nghiệp tăng tiền mặt để tăng khả năng thanh toán hoặc do giá của nguyên vật liệu dự trữ đầu vào tăng lên doanh nghiệp gia tăng lượng HTK. Nguyên nhân khách quan có thể do nền kinh tế có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh, nhiều người không tả được nợ làm nợ phải thu tăng. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng của TSNH bình quân nhanh hơn so với tốc độ tăng cường việc đầu tư vào TSNH. Đây được đánh giá là hợp lí vì đầu tư vào TSNH sẽ giúp công ty rút ngắn thời hạn thu hồi vốn.